

Số: /KH-UBND

An Giang, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025-2035, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-TTg ngày 09/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025-2035, tầm nhìn 2050;

Căn cứ Quyết định số 458/QĐ-BCT ngày 13/3/2026 của Bộ Công Thương ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Công Thương thực hiện Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025 – 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2152/QĐ-BNNMT ngày 05/6/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch phát triển hệ thống logistics nhằm nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Thực hiện Kế hoạch số 224/KH-UBND ngày 04/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thực hiện Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt Đề án hoàn thiện và nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông, logistics.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025-2035, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển dịch vụ logistics trở thành lĩnh vực dịch vụ quan trọng của tỉnh, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, lưu thông, tiêu thụ hàng hóa, nhất là nông sản chủ lực; thúc đẩy liên kết giữa các ngành, các địa phương trong tỉnh và liên kết vùng Đồng bằng sông Cửu Long, gắn với hành lang kinh tế biên giới Việt Nam.

2. Phát triển dịch vụ logistics theo hướng hiệu quả, bền vững, có giá trị gia tăng ngày càng cao; khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế, từng bước nâng cao năng lực doanh nghiệp logistics trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

3. Phát triển dịch vụ logistics gắn với đầu tư, nâng cấp, khai thác hiệu quả hạ tầng hiện có và các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng thương mại, kho bãi, cửa khẩu và hạ tầng số phục vụ logistics phù hợp với điều kiện, nguồn lực của tỉnh.

4. Phát triển dịch vụ logistics dựa trên lợi thế đặc thù của tỉnh An Giang, là tỉnh đầu nguồn sông Cửu Long, có thế mạnh về nông nghiệp, thủy sản, kinh tế biên giới và hệ thống cửa khẩu; gắn logistics với xuất khẩu nông sản, thương mại biên giới và du lịch.

5. Thúc đẩy ứng dụng khoa học – công nghệ, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh trong hoạt động logistics, từng bước nâng cao hiệu quả quản lý, giảm chi phí logistics, giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp xu thế phát triển bền vững.

6. Phát triển dịch vụ logistics gắn với đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nâng cao kỹ năng cho đội ngũ lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, đáp ứng yêu cầu phát triển logistics của tỉnh trong từng giai đoạn.

II. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Phát triển An Giang trở thành trung tâm logistics nông nghiệp, logistics biên giới và trung chuyển hàng hóa của khu vực Tây Nam Bộ; đóng vai trò là đầu mối kết nối giữa Đồng bằng sông Cửu Long với Campuchia, Thái Lan và Tiểu vùng Mekong mở rộng. Phát triển hệ thống logistics theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm chi phí logistics, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và nền kinh tế địa phương, đồng thời thúc đẩy phát triển nông nghiệp, thương mại biên giới và hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Mục tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2025 – 2035

+ Tỷ trọng dịch vụ logistics trong GRDP của tỉnh: dự kiến đạt khoảng 3% – 4%, tập trung vào logistics nông sản, thủy sản và thương mại biên giới.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất – kinh doanh sử dụng dịch vụ logistics: dự kiến khoảng 50% – 60%, đặc biệt trong nông sản xuất khẩu và khu vực cửa khẩu.

+ Chuyển đổi số trong logistics: khoảng 60% doanh nghiệp logistics áp dụng giải pháp số phù hợp (quản lý kho, vận tải, truy xuất nguồn gốc, giao dịch điện tử...) để cải thiện thời gian, giảm chi phí logistics.

+ Phát triển logistics xanh, thân thiện môi trường: logistics nông sản phát thải thấp, sử dụng phương tiện tiết kiệm nhiên liệu, từng bước hình thành mô hình logistics tuần hoàn.

+ Phát triển nguồn nhân lực: khoảng 60% lao động trong lĩnh vực logistics được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn, trong đó 20% có trình độ cao đẳng, đại học trở lên.

+ Phát triển 1-2 trung tâm dịch vụ logistics hiện đại gắn với cửa khẩu, trung tâm sản xuất – tiêu thụ nông sản, phù hợp quy hoạch được phê duyệt.

+ Phát triển logistics theo hướng bền vững, giảm phát thải, thân thiện môi trường.

+ Gắn kết chặt chẽ với nông sản, thủy sản xuất khẩu và hoạt động thương mại biên giới.

- + Tăng cường kết nối vùng, liên kết doanh nghiệp trong tỉnh với vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Campuchia.
- Định hướng đến năm 2050
- + Tỷ trọng dịch vụ logistics trong GRDP của tỉnh: dự kiến đạt khoảng 4% – 5%, tập trung vào logistics nông sản, thủy sản, thương mại biên giới và chuỗi xuất nhập khẩu.
- + Tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã sử dụng dịch vụ logistics: dự kiến khoảng 70% – 80%, đặc biệt trong nông sản xuất khẩu và khu vực cửa khẩu.
- + Chuyển đổi số trong logistics: hầu hết (90% – 100%) doanh nghiệp logistics áp dụng các giải pháp số phù hợp (quản lý kho, vận tải, truy xuất nguồn gốc, giao dịch điện tử...) để cải thiện thời gian, giảm chi phí logistics.
- + Phát triển nguồn nhân lực: khoảng 80% lao động trong lĩnh vực logistics được đào tạo, trong đó 30% có trình độ cao đẳng, đại học trở lên.
- + Phát triển 3-5 trung tâm dịch vụ logistics hiện đại, gắn với cửa khẩu, trung tâm sản xuất – tiêu thụ nông sản, phù hợp quy hoạch và kết nối hiệu quả với vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Campuchia.
- + Phát triển logistics theo hướng bền vững, giảm phát thải, thân thiện môi trường, áp dụng logistics tuần hoàn, logistics xanh.
- + Tiếp tục khuyến khích ứng dụng công nghệ số, nâng cao năng lực quản lý, vận hành, truy xuất nguồn gốc và giao dịch điện tử.
- + Gắn kết chặt chẽ với chuỗi nông sản, thủy sản xuất khẩu và thương mại biên giới, đồng thời mở rộng kết nối vùng, liên kết doanh nghiệp trong tỉnh với khu vực và quốc tế.

2. Yêu cầu

- a) Kế hoạch bám sát chiến lược của Chính phủ và kế hoạch hành động của Bộ Công Thương; phù hợp với Quy hoạch và định hướng phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh; bảo đảm tính đồng bộ, khả thi, linh hoạt trong tổ chức thực hiện.
- b) Nhiệm vụ, giải pháp được triển khai có trọng tâm, trọng điểm; lồng ghép hiệu quả với các chương trình, kế hoạch liên quan, tránh trùng lặp, lãng phí nguồn lực.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ LOGISTICS

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về logistics, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia cung ứng và sử dụng dịch vụ logistics.
2. Ưu tiên phối hợp, lồng ghép và khai thác hiệu quả kết cấu hạ tầng phục vụ logistics, nhất là hạ tầng giao thông, kho bãi, trung tâm logistics, hạ tầng cửa khẩu, gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu.
3. Thúc đẩy liên kết ngành, liên kết vùng, nhất là liên kết trong chuỗi sản xuất – chế biến – tiêu thụ nông sản, liên kết thương mại biên giới, liên kết logistics giữa An Giang với các tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Campuchia.
4. Phát triển nguồn hàng ổn định cho logistics, tập trung vào nông sản, thủy sản, hàng hóa xuất nhập khẩu qua cửa khẩu, góp phần mở rộng thị trường dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh.

5. Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp logistics, khuyến khích doanh nghiệp đổi mới phương thức quản lý, ứng dụng công nghệ số, nâng cao chất lượng dịch vụ và từng bước xanh hóa hoạt động logistics.

6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, gắn logistics với sản xuất, thương mại, xuất nhập khẩu, phân phối hàng hóa trong và ngoài tỉnh.

7. Phát triển nguồn nhân lực logistics, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng cho cán bộ quản lý, doanh nghiệp, hợp tác xã, người lao động.

8. Phát huy vai trò của các hiệp hội, doanh nghiệp, hợp tác xã, Hội Nông dân tỉnh, thúc đẩy hình thành các chuỗi cung ứng, liên kết sản xuất – logistics – tiêu thụ hiệu quả phù hợp với điều kiện và lợi thế của tỉnh An Giang.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Trên cơ sở các mục tiêu đã xác định, Kế hoạch tập trung 06 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm tổ chức triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025-2035, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn tỉnh An Giang.

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển dịch vụ logistics

Rà soát, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển dịch vụ logistics phù hợp với quy định và thực tiễn địa phương; nghiên cứu đề xuất chính sách hỗ trợ logistics nông sản, thủy sản, logistics đường thủy nội địa và cửa khẩu. Lồng ghép mục tiêu phát triển logistics vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập kinh tế quốc tế và xúc tiến thương mại. Tổ chức triển khai, tuyên truyền, phổ biến chính sách; vận động người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia các hoạt động logistics trên địa bàn.

2. Phát triển kết cấu hạ tầng logistics và không gian logistics

Tham mưu phát triển, nâng cấp hạ tầng giao thông và logistics phù hợp quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đề xuất giải pháp phát triển trung tâm logistics, kho bãi, điểm trung chuyển gắn với vùng sản xuất, cửa khẩu và hệ thống giao thông. Quản lý, khai thác hiệu quả hạ tầng hiện có; xúc tiến, thu hút đầu tư kho lạnh, kho ngoại quan, bến bãi và các công trình logistics. Phát triển chuỗi logistics phục vụ nông sản, thủy sản gắn với vùng nguyên liệu và công nghiệp chế biến. Rà soát quỹ đất, bố trí vị trí phù hợp và phối hợp quản lý, vận hành hiệu quả các công trình logistics trên địa bàn.

3. Phát triển liên kết doanh nghiệp logistics

Cung cấp thông tin thị trường, nhu cầu và tiêu chuẩn dịch vụ logistics; tổ chức kết nối doanh nghiệp logistics với doanh nghiệp sản xuất, chế biến, xuất khẩu và hợp tác xã. Thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp logistics trong và ngoài tỉnh, hình thành chuỗi dịch vụ logistics phục vụ nông sản, thủy sản xuất khẩu. Rà soát, đề xuất phát triển hạ tầng logistics khu kinh tế cửa khẩu; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận chính sách, thủ tục xuất nhập khẩu và thuận lợi hóa thương mại. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về logistics, khuyến khích hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia liên kết trong thu gom, bảo quản, vận chuyển hàng hóa. Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các mô hình logistics gắn với vùng nguyên liệu, chuỗi giá trị nông sản, thủy sản và tăng cường truyền thông, quảng bá dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh.

4. Phát triển logistics xanh, bền vững

Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất áp dụng các giải pháp logistics xanh, logistics tuần hoàn, tiết kiệm năng lượng và sử dụng phương tiện thân thiện với môi trường; giảm phát thải trong thu gom, vận chuyển, bảo quản nông sản, thủy sản. Lồng ghép mục tiêu phát triển logistics xanh vào các chương trình bảo vệ môi trường, chuyển đổi xanh và phát triển bền vững của tỉnh.

5. Phát triển nguồn nhân lực và chuyển đổi số logistics

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về logistics, quản lý chuỗi cung ứng cho cán bộ quản lý nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp logistics chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong quản lý và vận hành. Đẩy mạnh lồng ghép nội dung logistics vào chương trình giáo dục, đào tạo nghề, tăng cường hoạt động hướng nghiệp, trải nghiệm thực tế, phát triển nguồn nhân lực logistics đáp ứng yêu cầu phát triển dịch vụ logistics và chuỗi cung ứng nông sản, thủy sản của tỉnh.

6. Tổ chức thực hiện và theo dõi đánh giá

Theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch; tổ chức sơ kết, tổng kết và đề xuất điều chỉnh khi cần thiết. Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu logistics của tỉnh; cập nhật kịp thời cơ chế, chính sách, thông tin thị trường, doanh nghiệp và các mô hình liên kết hiệu quả. Tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập và phân tích số liệu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành phát triển dịch vụ logistics. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền kết quả triển khai Kế hoạch; hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện chính sách thuế, chính sách hỗ trợ và các thủ tục liên quan nhằm giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động logistics.

(Đính kèm Phụ lục phân công nhiệm vụ thực hiện kế hoạch hành động thực hiện chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025–2035, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn tỉnh An Giang)

V. KINH PHÍ

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này gồm nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Nguyên tắc quản lý kinh phí: Việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai Kế hoạch này; tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo định kỳ hàng năm (trước ngày 10 tháng 12) hoặc đột xuất theo yêu cầu.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện theo đúng chế độ, định mức do nhà nước ban hành; gửi Sở Tài chính thẩm tra, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách theo quy định và phân cấp của Luật Ngân

sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan trong khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

3. Trên cơ sở Kế hoạch này và phụ lục đính kèm, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện; cụ thể hóa hoặc lồng ghép thành các nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tế; báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch về Sở Công Thương để tổng hợp định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 11) hoặc đột xuất theo yêu cầu.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; chủ động phối hợp và kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Công Thương) các khó khăn, vướng mắc phát sinh để xem xét, chỉ đạo, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT, ntduy.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Phong

Phụ lục
Nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025–2035, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn tỉnh An Giang
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh An Giang)

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả
I	Rà soát hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển dịch vụ logistics				
1	Rà soát, đánh giá các cơ chế, chính sách của tỉnh liên quan đến phát triển dịch vụ logistics; đề xuất sửa đổi, bổ sung phù hợp quy định trung ương và thực tiễn tỉnh An Giang	Sở Công Thương	Sở Tài chính, Sở Tư pháp, các sở, ngành liên quan	Hằng năm; 2026 -2035	Hệ thống cơ chế, chính sách logistics của tỉnh được rà soát, cập nhật
2	Nghiên cứu, đề xuất chính sách khuyến khích phát triển logistics nông sản, thủy sản, logistics đường thủy nội địa và logistics cửa khẩu theo thẩm quyền của UBND tỉnh.	Sở Xây dựng	Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp xã	Hằng năm; 2026 -2035	Chính sách hỗ trợ logistics được đề xuất, triển khai
3	Lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ phát triển logistics vào các kế hoạch hội nhập kinh tế quốc tế, xúc tiến thương mại, tái cơ cấu ngành của tỉnh.	Sở Công Thương	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp, các sở, ngành liên quan, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp xã	Hằng năm; 2026 -2035	Bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa kế hoạch logistics và các kế hoạch phát triển kinh tế của tỉnh.
4	Tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn.	UBND cấp xã	Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.	Hằng năm; 2026 -2035	Chính sách logistics được triển khai đồng bộ, thống nhất đến cơ sở.

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả
5	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách phát triển dịch vụ logistics; vận động người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp trên địa bàn xã tham gia các hoạt động logistics; lồng ghép vào chương trình phát triển kinh tế – xã hội ở cơ sở.	UBND cấp xã	Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội Nông dân tỉnh	Hàng năm; 2026 -2035	Chính sách logistics được triển khai đồng bộ, thống nhất đến cấp cơ sở.
II	Phát triển kết cấu hạ tầng logistics và không gian logistics				
1	Triển khai Đề án hoàn thiện và nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông, logistics phù hợp quy hoạch, điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh	Sở Xây dựng	Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp xã	Năm 2026	Kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án
2	Tổ chức kêu gọi đầu tư trung tâm logistics theo quy hoạch tỉnh.	Sở Công Thương	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, UBND cấp xã	Thường xuyên	Gia tăng dự án đầu tư logistics
3	Khuyến khích doanh nghiệp/nhà đầu tư phát triển kho lạnh, kho bảo quản, điểm trung chuyển nông sản, thủy sản gắn với vùng sản xuất tập trung	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp xã	Thường xuyên	Nâng cao năng lực bảo quản, trung chuyển
4	Gắn phát triển logistics với Đề án Phát triển ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sạch gắn với công nghiệp chế biến, chế tạo; hình thành chuỗi logistics phục vụ vùng nguyên liệu nông sản, thủy sản xuất khẩu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp xã	Thường xuyên	Chuỗi cung ứng nông, thủy sản năng cao hiệu quả

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả
5	Phối hợp rà soát quỹ đất, vị trí phù hợp để phát triển kho bãi, điểm trung chuyển nông sản, thủy sản, điểm tập kết hàng hóa phục vụ logistics nông nghiệp tại địa phương.	UBND cấp xã	Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thường xuyên	Quỹ đất, vị trí phát triển logistics được xác định, tạo điều kiện thu hút đầu tư.
6	Phối hợp quản lý, khai thác hiệu quả các công trình hạ tầng logistics, điểm trung chuyển, kho bảo quản nông sản trên địa bàn xã.	UBND cấp xã	Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thường xuyên	Hạ tầng logistics cấp cơ sở được vận hành hiệu quả, giảm chi phí lưu thông.
III	Phát triển liên kết doanh nghiệp logistics				
1	Cung cấp thông tin về nhu cầu sử dụng dịch vụ logistics, tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu chất lượng của doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu cho doanh nghiệp logistics; tổ chức các hoạt động kết nối giữa doanh nghiệp logistics với doanh nghiệp sản xuất, chế biến, xuất khẩu, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.	Sở Công Thương	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm xúc tiến Đầu tư, thương mại và Du lịch, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp xã	Thường xuyên	Tăng cường liên kết chuỗi.
2	Khuyến khích doanh nghiệp logistics liên kết, hợp tác theo chuỗi dịch vụ (vận tải – kho bãi – giao nhận – phân phối), từng bước hình thành các gói dịch vụ logistics trọn gói phục vụ nông sản, thủy sản xuất khẩu.	Sở Công Thương	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp xã	Thường xuyên	Hình thành mô hình liên kết chuỗi logistics.
3	Rà soát, đề xuất phát triển hạ tầng logistics tại khu kinh tế cửa khẩu (kho bãi, kho ngoại quan, điểm trung chuyển, bến bãi phục vụ xuất nhập khẩu); phối hợp tổ chức kết nối doanh nghiệp logistics, doanh nghiệp xuất nhập khẩu hoạt động tại khu kinh tế cửa khẩu; cung cấp thông tin, hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận chính sách hỗ trợ logistics, thủ tục xuất nhập khẩu, thuận lợi hóa thương mại tại cửa khẩu.	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, UBND cấp xã, doanh nghiệp	Thường xuyên	Hạ tầng và dịch vụ logistics khu kinh tế cửa khẩu được phát triển; tăng hiệu quả thông quan, lưu thông hàng hóa xuất nhập khẩu

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả
4	Thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp logistics trong tỉnh với doanh nghiệp logistics ngoài tỉnh, doanh nghiệp đầu mối tại TP. Hồ Chí Minh và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	Sở Công Thương	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, UBND cấp xã	Thường xuyên	Mở rộng mạng lưới liên kết logistics liên vùng; nâng cao khả năng kết nối thị trường và hiệu quả lưu thông hàng hóa của tỉnh.
5	Tuyên truyền, vận động hội viên, hợp tác xã nông nghiệp nâng cao nhận thức về vai trò của logistics trong sản xuất, tiêu thụ nông sản; khuyến khích tham gia liên kết với doanh nghiệp logistics trong thu gom, bảo quản, vận chuyển nông sản, thủy sản.	Hội Nông dân tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, UBND cấp xã, doanh nghiệp	Thường xuyên	Nâng cao nhận thức, tăng tỷ lệ nông dân, HTX tham gia chuỗi logistics nông sản, thủy sản.
6	Phối hợp hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các mô hình liên kết logistics gắn với vùng nguyên liệu, chuỗi giá trị nông sản, thủy sản xuất khẩu (mô hình HTX – doanh nghiệp logistics – doanh nghiệp tiêu thụ).	Hội Nông dân tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, UBND cấp xã, doanh nghiệp	Thường xuyên	Hình thành, nhân rộng các mô hình logistics nông sản hiệu quả tại cơ sở.
7	Tổ chức tuyên truyền, truyền thông, quảng bá về vai trò của dịch vụ logistics; giới thiệu doanh nghiệp logistics, mô hình liên kết logistics – nông sản – thủy sản trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng số của tỉnh.	Báo và Phát thanh - Truyền hình An Giang	Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã	Hàng năm	Nâng cao nhận thức, tăng mức độ tham gia liên kết logistics của DN, HTX, nông dân
IV	Phát triển logistics xanh, bền vững				
1	Khuyến khích doanh nghiệp logistics áp dụng giải pháp tiết kiệm năng lượng, phương tiện vận tải thân thiện môi trường	Sở Công Thương	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp xã	Thường xuyên	Giảm phát thải trong hoạt động logistics

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả
2	Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp nông sản, thủy sản áp dụng logistics xanh, logistics tuần hoàn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp xã	Thường xuyên	Nâng cao chất lượng chuỗi cung ứng
3	Lồng ghép logistics xanh vào chương trình bảo vệ môi trường, chuyển đổi xanh của tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp xã	Thường xuyên	Logistics phát triển bền vững
4	Vận động nông dân, hợp tác xã, cơ sở sản xuất tại địa phương áp dụng các giải pháp logistics xanh, giảm phát thải trong thu gom, vận chuyển, bảo quản nông sản.	UBND cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công Thương	Thường xuyên	Logistics nông sản tại cơ sở từng bước chuyển sang hướng xanh, bền vững.
V	Phát triển nguồn nhân lực và chuyển đổi số logistics				
1	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về dịch vụ logistics cho cán bộ quản lý nhà nước, người lao động tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, học sinh, sinh viên.	Sở Công Thương	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp xã, doanh nghiệp	Thường xuyên	Nâng cao năng lực quản lý logistics
2	Hỗ trợ doanh nghiệp dịch vụ logistics chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, vận hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp xã, doanh nghiệp	Thường xuyên	Tăng hiệu quả, giảm chi phí logistics
3	Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng và hoàn thiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về logistics dành cho học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội Nông dân tỉnh, các trường đại học, cao đẳng, trung tâm	Thường xuyên	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực logistics, đáp ứng nhu cầu phát triển

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả
	trung học, cao đẳng và đại học; chỉ đạo các trường trung cấp thực hiện tốt việc lồng ghép, tích hợp các nội dung về logistics, quản lý chuỗi cung ứng, thương mại biên giới, vận tải và kho bãi vào chương trình giảng dạy phù hợp; khuyến khích học sinh phổ thông nghiên cứu khoa học, tham gia các hoạt động tư vấn hướng nghiệp nghề, tham quan tìm hiểu các mô hình logistics từ đó đam mê, yêu thích và tham gia học tập các nghề liên quan đến logistics. Tham mưu UBND tỉnh xem xét đưa nhóm nghề liên quan đến logistics vào danh mục đào tạo nghề hằng năm và giai đoạn góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực logistics, đáp ứng nhu cầu phát triển dịch vụ logistics và chuỗi cung ứng nông sản, thủy sản; tăng tỷ lệ lao động được đào tạo chuyên môn của địa phương.		giáo dục nghề nghiệp, UBND cấp xã		dịch vụ logistics và chuỗi cung ứng nông sản, thủy sản.
4	Tổ chức đào tạo nguồn nhân lực ngành dịch vụ logistics phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của tỉnh, khu vực và toàn quốc.	- Trường Đại học An Giang; - Trường Đại học Kiên Giang; - Trường Cao đẳng nghề An Giang; - Trường Cao đẳng Kiên Giang.	Sở Công Thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, UBND cấp xã	Hằng năm	Tăng tỷ lệ lao động được đào tạo chuyên môn.
VI	Tổ chức thực hiện và theo dõi đánh giá				
1	Theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch	Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Hằng năm	Báo cáo đánh giá gửi UBND tỉnh

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả
2	Sơ kết, tổng kết và đề xuất điều chỉnh Kế hoạch khi cần thiết	Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Năm 2030, năm 2035, năm 2050	Kế hoạch được điều chỉnh phù hợp thực tiễn
3	Xây dựng nội dung thông tin logistics và phối hợp Trung tâm Công báo - Tin học đưa lên Cổng thông tin điện tử tỉnh; đồng thời cập nhật đầy đủ, kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, kế hoạch, đề án liên quan đến phát triển dịch vụ logistics của tỉnh trên Công báo và Cổng thông tin điện tử tỉnh theo quy định; cung cấp thông tin thị trường logistics, doanh nghiệp logistics, chính sách hỗ trợ, mô hình liên kết hiệu quả.	Sở Công Thương	Trung tâm Công báo - Tin học, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành liên quan; UBND cấp xã	Hàng năm	Thông tin logistics được công khai, minh bạch; hỗ trợ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và hoạt động của doanh nghiệp
4	Xây dựng hệ thống thu thập số liệu về dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh: tỷ trọng logistics trong GRDP, số lượng doanh nghiệp và hợp tác xã sử dụng dịch vụ logistics, lao động được đào tạo, số điểm/khu logistics trọng điểm, tỷ lệ áp dụng chuyển đổi số/logistics xanh; tổ chức điều tra định kỳ, khảo sát thực trạng hạ tầng, doanh nghiệp, nhân lực, chi phí logistics và áp dụng công nghệ trong lĩnh vực logistics; tổng hợp, phân tích dữ liệu, lập báo cáo định kỳ hoặc đột xuất phục vụ chỉ đạo, điều hành kế hoạch phát triển dịch vụ logistics của tỉnh.	Thống kê tỉnh	Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã, các doanh nghiệp logistics, Hội Nông dân tỉnh, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	Hàng năm	Các chỉ tiêu cốt lõi của kế hoạch có số liệu định lượng để theo dõi, đánh giá và báo cáo; thông tin, số liệu được cập nhật đầy đủ, kịp thời, hỗ trợ UBND tỉnh và các đơn vị liên quan ra quyết định, điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết.
5	Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền kết quả triển khai Kế hoạch phát triển logistics trên địa bàn tỉnh.	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Công Thương, các sở, ngành, UBND cấp xã	Hàng năm	Kế hoạch được phổ biến rộng rãi, tạo đồng thuận xã hội

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả
6	Hướng dẫn doanh nghiệp logistics, doanh nghiệp sản xuất – xuất khẩu, hợp tác xã nông nghiệp áp dụng đúng chính sách thuế và các ưu đãi, giảm thiểu chi phí hành chính; theo dõi, tổng hợp số liệu về thuế liên quan đến hoạt động logistics (ví dụ: thuế nhập khẩu vật tư, thuế GTGT, thuế xuất khẩu hàng hóa); phối hợp cung cấp thông tin phục vụ tính toán các chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển dịch vụ logistics của tỉnh; tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho doanh nghiệp về các thủ tục thuế liên quan đến logistics, đặc biệt đối với nông sản xuất khẩu và thương mại biên giới.	Thuế tỉnh	Sở Công Thương, Thống kê tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã, doanh nghiệp logistics, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	Thường xuyên	Doanh nghiệp nắm vững chính sách thuế, giảm chi phí và rủi ro pháp lý; số liệu thuế hỗ trợ đánh giá hiệu quả và chi phí logistics trong tỉnh; tăng cường minh bạch và thuận lợi cho các hoạt động logistics, đặc biệt liên quan đến nông sản và thương mại biên giới.